

Số: 269/BC-STP

An Giang, ngày 24 tháng 9 năm 2024

BÁO CÁO

Kết quả thẩm định dự thảo Nghị quyết bãi bỏ Nghị quyết số 40/2022/NQ-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ giúp xã hội áp dụng trên địa bàn tỉnh An Giang

Sở Tư pháp nhận được Công văn số 3200/SLĐTBXH-BTXH ngày 12 tháng 9 năm 2024 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội về việc thẩm định hồ sơ dự thảo Nghị quyết bãi bỏ Nghị quyết số 40/2022/NQ-HĐND ngày 12/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ giúp xã hội áp dụng trên địa bàn tỉnh An Giang, Sở Tư pháp đã tổ chức thẩm định và báo cáo kết quả như sau:

1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

Bãi bỏ Nghị quyết số 40/2022/NQ-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ giúp xã hội áp dụng trên địa bàn tỉnh An Giang.

2. Tính hợp hiến, hợp pháp và tính thống nhất của dự thảo Nghị quyết với hệ thống pháp luật

Căn cứ khoản 3 Điều 4 của Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội, ngày 12 tháng 12 năm 2022, Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết số 40/2022/NQ-HĐND quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ giúp xã hội áp dụng trên địa bàn tỉnh An Giang.

Tuy nhiên, ngày 01 tháng 7 năm 2024, Chính phủ ban hành Nghị định số 76/2024/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội, theo đó, tại Điều 1 của Nghị định số 76/2024/NĐ-CP quy định:

“Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 4 như sau:

“2. Mức chuẩn trợ giúp xã hội áp dụng từ ngày 01 tháng 7 năm 2024 là 500.000 đồng/tháng...”

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 4 như sau:

“3. Trường hợp điều kiện kinh tế - xã hội địa phương bảo đảm, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định:

a) Mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ giúp xã hội áp dụng trên địa bàn cao hơn mức chuẩn trợ giúp xã hội và mức trợ giúp xã hội quy định tại Nghị định này;... ”.

Căn cứ quy định trên, trường hợp quy định “mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ giúp xã hội” **của tỉnh cao hơn** quy định tại Nghị định số 76/2024/NĐ-CP và Nghị định số 20/2021/NĐ-CP thì Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết; trường hợp **bằng** quy định tại Nghị định số 76/2024/NĐ-CP và Nghị định số 20/2021/NĐ-CP thì không ban hành. Căn cứ khả năng cân đối ngân sách, điều kiện kinh tế - xã hội, tỉnh An Giang áp dụng mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ giúp xã hội theo quy định Nghị định số 76/2024/NĐ-CP và Nghị định số 20/2021/NĐ-CP.

Bên cạnh đó, mức chuẩn trợ giúp xã hội tại Nghị quyết số 40/2022/NQ-HĐND đã không còn phù hợp với quy định tại Nghị định số 76/2024/NĐ-CP, do đó, cần xây dựng Nghị quyết bãi bỏ Nghị quyết số 40/2022/NQ-HĐND.

Tại khoản 3 Điều 1 của Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định:

“3. Sửa đổi, bổ sung Điều 12 như sau:

“Điều 12. Sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc đình chỉ việc thi hành văn bản quy phạm pháp luật

1. Văn bản quy phạm pháp luật chỉ được sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ bằng văn bản quy phạm pháp luật của chính cơ quan nhà nước đã ban hành văn bản đó ...”

Căn cứ các quy định trên, Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Nghị quyết bãi bỏ Nghị quyết số 40/2022/NQ-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ giúp xã hội áp dụng trên địa bàn tỉnh An Giang **là cần thiết và đúng thẩm quyền**.

3. Dự thảo Nghị quyết

a) Đề nghị cơ quan soạn thảo điều chỉnh cách đánh số trang theo quy định tại Điều 76 của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, cụ thể:

“Điều 76. Khổ giấy, định lề trang văn bản, phong chữ, đánh số trang văn bản

...

Trang của văn bản được đánh số thứ tự bằng chữ số Ả Rập, cỡ chữ từ 13 đến 14, kiểu chữ đứng, không đánh số trang thứ nhất, được đặt canh giữa theo chiều ngang trong phần lề trên của văn bản. Số trang của phụ lục được đánh số riêng theo từng phụ lục.”

b) Căn cứ ban hành

Tại khoản 1 Điều 61 của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP quy định:

“Điều 61. Căn cứ ban hành văn bản

1. ...Căn cứ ban hành văn bản bao gồm văn bản quy phạm pháp luật quy định thẩm quyền, chức năng của cơ quan ban hành văn bản đó và văn bản quy phạm pháp luật có hiệu lực pháp lý cao hơn quy định nội dung, cơ sở để ban hành văn bản.”

Căn cứ quy định trên, đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát, điều chỉnh căn cứ ban hành phù hợp.

c) Đề nghị cơ quan soạn thảo bổ sung dấu chấm cuối Điều 1 dự thảo Nghị quyết.

d) Đề nghị cơ quan soạn thảo điều chỉnh Điều 2 dự thảo Nghị quyết như sau:

“Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang Khóa... Kỳ họp thứ ... thông qua ngày ... tháng ... năm 2024 và có hiệu lực từ ngày ... tháng ... năm 2024./.”

4. Tờ trình dự thảo

Đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát, điều chỉnh Tờ trình dự thảo theo góp ý tại khoản 3 của Báo cáo này và theo một số nội dung sau:

a) Điều chỉnh cách trình bày theo quy định tại khoản 3 Điều 59 của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP, cụ thể:

“Điều 59. Địa danh và ngày, tháng, năm ban hành văn bản

3. Địa danh và ngày, tháng, năm ban hành văn bản được trình bày trên cùng một dòng với số, ký hiệu văn bản, ...”

b) Rà soát, điều chỉnh thống nhất, chính xác tên dự thảo Nghị quyết trong Tờ trình dự thảo phù hợp với tên dự thảo Nghị quyết.

c) Điều chỉnh phần Kính gửi như sau: “*Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh*”.

d) Điều chỉnh đoạn đầu trước Mục I như sau: “*Thực hiện quy định ..., Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh dự thảo Nghị quyết bãi bỏ Nghị quyết số 40/2022/NQ-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2022 ... An Giang như sau:*”.

đ) Rà soát, điều chỉnh cách trình bày viện dẫn theo quy định tại khoản 24 Điều 1 của Nghị định số 59/2024/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật đã được sửa đổi, bổ sung một

số điều theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ, cụ thể:

“24. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 75 của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 16 Điều 1 của Nghị định số 154/2020/NĐ-CP như sau:

“1. Khi viện dẫn lần đầu luật, pháp lệnh phải ghi tên loại, tên gọi của văn bản và số, ký hiệu văn bản; đối với các văn bản khác, phải ghi tên loại, số, ký hiệu của văn bản, ngày, tháng, năm thông qua hoặc ký ban hành văn bản, tên cơ quan, người có thẩm quyền ban hành văn bản và tên gọi của văn bản. Trong lần viện dẫn tiếp theo, đối với luật, pháp lệnh, phải ghi tên loại và tên gọi của văn bản; đối với các văn bản khác, phải ghi tên loại, số, ký hiệu của văn bản.”.”

e) Ngôn ngữ, dấu câu

Rà soát, điều chỉnh từ, cụm từ sau: “Ủy ban nhân dân”, “UBND” thành “Ủy ban nhân dân”; “HĐND” thành “Hội đồng nhân dân”; “Sở Lao động – Thương binh và Xã hội” thành “Sở Lao động - Thương binh và Xã hội”; “Đề nghị” thành “đề nghị” (tại Mục IV); “văn bản” thành “Công văn”.

Bỏ cụm từ “của Chính phủ” tại khoản 2 Mục II.

Đề xuất bỏ cụm “Đến nay, dự thảo Nghị quyết đảm bảo trình tự, thủ tục ...” tại Mục IV.

Bỏ dấu hai chấm sau tên khoản và in đậm tên khoản (tiểu mục) nhằm thống nhất trong toàn bộ Tờ trình dự thảo.

g) Điều chỉnh phần cuối như sau: “Trên đây là Tờ trình dự thảo Nghị quyết bãi bỏ Nghị quyết số 40/2022/NQ-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2022 ..., Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, thông qua./.”

h) Rà soát tài liệu đính kèm phù hợp (trùng Báo cáo thẩm định).

Trên đây là Báo cáo kết quả thẩm định của Sở Tư pháp kính gửi Quý cơ quan./.

Nơi nhận:

- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Sở Lao động - Thương binh và Xã hội;
- Lãnh đạo Sở;
- Công thông tin điện tử Sở Tư pháp;
- Lưu: VT, XDKT&TDTHPL.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Phan Thanh Dũng